HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2022/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú và điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 330/TTr-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú và điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú và điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Lệ phí đăng ký cư trú đối với việc đăng ký và quản lý cư trú gồm: Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, gia hạn tạm trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí đăng ký cư trú là người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú, trừ các trường hợp được miễn thu lệ phí và không phải nộp lệ phí tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này.

b) Đối tượng đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020.

c) Cơ quan Công an các cấp thực hiện công tác tiếp nhận, giải quyết các thủ tục đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh An Giang.

d) Cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

3. Mức thu, đối tượng miễn thu, kê khai, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú

a) Mức thu lệ phí

STT	Nội dung thực hiện	Mức thu
1.	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	
a)	Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	15.000 đồng/lần đăng ký
b)	Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	7.000 đồng/lần đăng ký
2.	Gia hạn tạm trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú	
a)	Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	8.000 đồng/lần đăng ký
b)	Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	4.000 đồng/lần đăng ký

b) Đối tượng miễn thu lệ phí

Bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thuộc hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

Công dân dưới 16 tuổi.

Công dân dưới 18 tuổi mà mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

Điều chỉnh các thay đổi về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, tên đơn vị hành chính, đường, tổ, ấp, khóm, cách đánh số nhà.

c) Các trường hợp không phải nộp lệ phí: Điều chỉnh, bổ sung các thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi có sai sót do lỗi của cơ quan thu thập dữ liệu và đăng ký cư trú.

d) Kê khai, nộp, quản lý lệ phí

Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn kinh phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

4. Điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ từ 8 m^2 sàn/người.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nưng